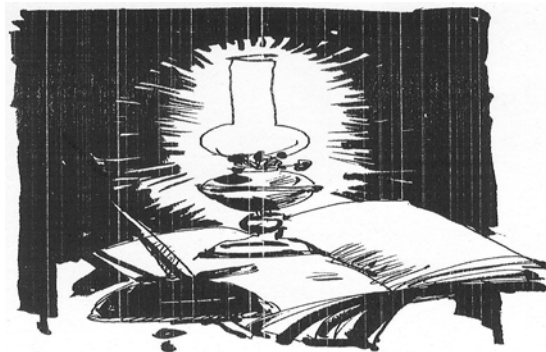


NGHIÊN CỨU LUẬT PHÁP: ĐẠI THẾ MẪU THÂN

Tạ-quốc-Tuấn



Một người phụ nữ có chồng nhiều khi vì một hay một số nguyên nhân nào đó không thể thụ thai và sinh nở được (chẳng hạn: cơ thể không thể sản xuất ra buồng trứng để có thể thụ thai, hay vì bệnh tật hoặc có khuyết tật không thể mang thai được). Cũng có thể người phụ nữ không muốn lấy chồng nhưng lại muốn có con. Những người này thường nuôi một đứa trẻ làm con nuôi. Mặt khác, lại có những người phụ nữ có chồng không sinh nở được, nhưng lại muốn có con mang huyết thống của chồng mình, chứ không muốn nuôi con người khác. Những người phụ nữ này từ khoảng thập niên 1970 trở đi càng ngày càng thích sử dụng nhiều hơn phương thức nhờ một người phụ nữ khác không có liên hệ vợ chồng sinh con hộ qua kỹ thuật thụ thai nhân tạo.

Tuy nhiên, phương thức nhờ người sinh con hộ đã phát sinh một số vấn đề pháp lý chưa được giải quyết hoàn toàn thỏa đáng.

I. Định Nghĩa

Trong Anh ngữ, người đàn bà sinh con hộ đó được gọi là “*surrogate mother*”, mà chúng tôi tạm dịch là “*mẹ đại thế*” hay “*đại thế mẫu thân*”⁽¹⁾, hành động sinh con hộ này gọi là “*surrogacy*” (sự đại thế), và khế ước sinh con hộ gọi là “*surrogate contract*” (khế ước đại thế).

Black’s Law Dictionary đã định nghĩa “*surrogate mother*” là:

“1. Một người đàn bà sinh con hộ một người đàn bà khác rồi nhượng độ mẫu quyền của bà cho người đàn bà đó và chồng bà ta. 2. Một người thực hành vai trò của một người mẹ.”⁽²⁾

Thực ra danh xưng “*surrogate*” (đại thế) dùng không chính xác cho lắm. Hầu hết mọi an bài về vấn đề đại thế có liên quan tới việc thụ thai nhân tạo của một người đàn bà với tinh trùng của “*người mua*”, hay, nói cho rõ hơn, “*người mua nam*”, mà vợ không thể sinh nở được. Trong những trường hợp này, mẫu hệ của người đàn bà sinh ra người con không có tính cách đại thế chút nào cả, mà chỉ là một người mẹ đồng ý bỏ hay nhường con cho người khác trước khi người con được sinh ra để đổi lấy một số tiền. Điểm khác biệt chính giữa trường hợp này với trường hợp người đàn bà dính dáng đến việc bán con là đứa bé là con ruột của người mua, nếu tinh trùng của người mua đưa đến việc thụ thai, cũng như của vợ người mua.

II. Thủ Tục Đại Thế

A. Phương Pháp Đại Thế

Có hai phương pháp đại thế hiện nay thường được dùng: đại thế quán lệ (traditional surrogacy) và đại thế hoài dục (gestational surrogacy).

1. Đại Thế Quán Lệ

Khi người vợ không thể nào hoài thai và sinh con được thì người ta dùng một người mẹ đại thế. Trong trường hợp này tinh trùng của người chồng được dùng để cấy vào trong tử cung của người mẹ đại thế bằng lòng mang thai và sinh con hộ, rồi trao người con đó cho cặp vợ chồng này.

2. Đại Thế Hoài Dục

Khi người vợ có thể sản xuất buồng trứng nhưng không thể mang thai được thì có thể dùng tinh trùng của người chồng và trứng của người vợ cấy trong một ống thí nghiệm, rồi khi trứng đã kết thai thì đem đặt vào trong tử cung của người mẹ đại thế. Trong trường hợp này người vợ và người chồng là cha mẹ ruột của người con sinh ra, còn người mẹ đại thế chỉ là người đã kết ước mang thai và sinh con hộ, rồi trao trả người con cho họ.

B. Lý Do Nhận Việc Sinh Con Hộ

Người mẹ đại thế nhận làm việc mang thai và sinh con hộ có thể là do muốn giúp cặp vợ chồng không thể sinh con được, nhưng phần lớn là do được cặp vợ chồng này trả tiền cho.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Vì lý do cặp vợ chồng không thể sinh con trả tiền cho người đàn bà mang thai và sinh con hộ, nên họ thường được gọi là “*cặp vợ chồng mua*” (buying couple).

C. Trung Gian

Sự kết ước đại thế thường được thực hiện qua trung gian của một cá nhân chuyên môn (thí dụ: luật sư, bác sĩ...) hay một cơ quan (như: văn phòng dịch vụ, hội đoàn, công ty...). Thường thì người hay cơ quan trung gian quảng cáo cho cả đôi bên, phỏng vấn họ, cố vấn cho họ về các vấn đề chuyên môn (luật pháp, tâm lý, y tế), phối hợp họ, soạn thảo kế ước giữa đôi bên cũng như giữa đôi bên và trung gian, ấn định số tiền thù lao, an bài việc thụ thai nhân tạo, và cuối cùng là chuyển giao người con sinh ra cho cặp vợ chồng mua.

D. *Khế Ước Đại Thế*

Khế ước đại thế được lập giữa người chồng của người đàn bà không sinh con được và người mẹ đại thế. Như đã nói ở đoạn trên, khế ước này do người hay cơ quan trung gian soạn thảo. Hai bên cũng có thể dùng cố vấn pháp luật của mình hay không tùy ý.

Khế ước đại thế thường được khoác cho tấm áo khế ước dịch vụ, chứ không phải là khế ước cung cấp con, do lẽ khế ước bán con vô hiệu vì trái với trật tự công cộng. Cũng vì lý do này mà người đàn bà không sinh con, tức là vợ của người mua, không được ghi vào trong khế ước như một đương sự kết ước. Trái lại, chồng của người mẹ đại thế thường được qui vào làm một đương sự kết ước, bởi vì người mẹ đại thế mang thai và sinh con hộ người mua, nhất là khi thai được tạo dựng bằng tinh trùng của người chồng mua, nên cần phải được sự chấp thuận của chồng.

Trong khế ước thường có ghi mấy khoản sau:

1. Người chồng mua đồng ý: (a) cung cấp tinh trùng; (b) trả tiền thù lao cho người mẹ đại thế cũng như cho người hay cơ quan trung gian; (c) trả y dược phí và bệnh viện phí; (d) nhận người con sau khi sinh ra.

2. Người mẹ đại thế đồng ý: (a) nhận sự cấy tinh nhân tạo; (b) mang thai; (c) sinh con; (d) trao người con cho người mua; (e) từ bỏ mọi quyền đối với người con; (f) cho người con được vợ người mua thu dưỡng.

IV. Các Vấn Đề Pháp Lý

Phương thức nhờ người mang thai và sinh con hộ đã phát sinh một số vấn đề pháp lý, như là: người mẹ đại thế không chịu trao con, người mua không chịu nhận con, liên hệ gia đình giữa người con và cặp vợ chồng mua, v.v.

A. *Khi Một Đương Sự Không Thi Hành Khế Ước*

Hầu hết mọi tranh chấp giữa người mua kẻ bán trong mọi an bài đại thế xảy ra khi một bên đương sự tìm cách tránh không thi hành các điều khoản kết ước. Khó khăn đặc biệt là khi người con đã được sinh ra, hay ít nhất cũng là khi thai đã kết.

1. *Người Mẹ Đại Thế Không Chịu Trao Con*

Quan trọng nhất và xảy ra nhiều nhất là trường hợp người mẹ đại thế sau khi sinh con đã không chịu trao người con cho người mua theo qui định của khế ước đại thế mà người mẹ đại thế là một người kết ước.

Sau đây là vài thí dụ.

a. *Vụ Án Baby M.*

Vấn đề này lần đầu tiên đã được xét xử năm 1987 tại tiểu bang New Jersey trong một vụ tranh tụng có liên quan tới một người con thụ thai nhân tạo với tinh trùng của người đàn ông không phải là chồng của người sinh ra. Đó là vụ *Baby M.*, một vụ án đã làm chấn động dư luận trong nước, nhất là trong giới luật học.

Ngày 6.2.1985, ông William Stern và bà Mary Beth Whitehead đã ký một khế ước đại thế. Theo khế ước, tinh trùng của ông Stern sẽ được cấy vào tử cung của bà Whitehead. Khi thai được kết, bà sẽ mang thai, sinh con, rồi trao người con cho vợ chồng ông Stern. Sau đó bà Whitehead sẽ làm mọi thủ tục cần thiết để chấm dứt mẫu quyền của bà đối với người con để cho bà Stern có thể thu dưỡng người con.

Chồng bà Mary Beth Whitehead, tên là Richard Whitehead, cũng là một người kết ước, còn bà Stern thì không. Ông Whitehead hứa sẽ làm mọi thủ tục cần thiết để khước từ sự suy đoán phụ hệ theo **Luật Gia Hệ** (Parentage Act).

Mặt khác, mặc dù bà Stern không phải là một đương sự trong thỏa hiệp đại thế này, nhưng khế ước lại cho bà quyền giám hộ duy nhất đối với người con trong trường hợp ông Stern qua đời. Việc bà không phải là một đương sự kết ước có lẽ là để tránh không bị pháp qui bán trẻ con áp dụng trong thỏa hiệp này chi phối.

Về phần ông Stern, ông đồng ý việc thụ tinh nhân tạo và trả cho bà Whitehead một số tiền là \$ 10,000 sau khi bà Whitehead sinh và trao người con cho ông.

Ngoài ra, ông Stern còn ký một khế ước khác, đồng ý trả cho cơ quan trung gian, Infertility Center of New York, một số tiền là \$ 7,500. Cơ quan này an bài cho các đương sự gặp nhau, giải thích các thủ tục cho họ, cung cấp các giấy tờ kết ước và cả luật sư cố vấn nữa.

Sau vài lần cấy tinh trùng trong vài tháng, bà Whitehead đã thụ thai và ngày 27.3.1986 sinh một bé gái, mà ông bà Stern đặt tên là Melissa (trong tố tụng này gọi là *Baby M.*)

Tuy nhiên, ngay khi mới sinh Melissa bà Whitehead thấy mình không thể nào rời bỏ bé mà bà cảm thấy có một giàng buộc trong khi mang thai. Bà đã tỏ ý cho ông bà Stern thấy sự quyến luyến này khi họ tới bệnh viện nói cho bà hay họ sẽ đặt tên cho em bé là gì. Lúc đó bà khóc nức nở và tỏ ý không muốn rời Melissa. Bà còn nói Melissa trông giống con gái của bà nữa.

Dù vậy, ngày 30.3.1986 bà đã trao Melissa cho ông bà Stern tại nhà bà. Tối hôm đó bà Whitehead hết sức đau buồn không sao chịu nổi, không thể ăn ngủ hay làm bất cứ việc gì khác. Do đó, ngày hôm sau bà đến nhà ông bà Stern, nói cho họ hay bà không thể nào sống không có Melissa được và muốn có bé, dù chỉ là trong một tuần lễ, sau đó bà sẽ trả bé cho ông bà Stern.

Ông bà Stern hết sức kinh ngạc khi thấy mức độ đau khổ của bà Whitehead và sợ rằng bà Whitehead có thể tự tử, nên, để tránh cho việc không hay này xảy ra và cũng vì tin tưởng là bà Whitehead sẽ giữ lời, đã trao Melissa cho bà Whitehead.

Tuy nhiên, sau đó bà Whitehead đã từ chối không chịu trao trả bé Melissa, nên ông Stern đã đệ đơn kiện ở tòa, xin chấp hành khế ước đại thế. Trong đơn, ông nói rằng bà Whitehead chẳng những là đã từ chối không chịu thi hành khế ước đại thế mà lại còn dọa là sẽ trốn khỏi New Jersey, mang theo Melissa để tránh không cho ông Stern giám hộ Melissa.

Quả thực bà Whitehead đã làm như vậy. Khi trát tòa, với sự giúp đỡ của cảnh sát và sự hiện diện của ông Stern, được đưa đến nhà bà Whitehead, thì bé Melissa được đưa luôn qua cửa sổ cho ông Whitehead, trong lúc những người mang trát tòa đến đang cùng bà Whitehead tranh luận về tên của bé, và ông Whitehead đã mang bé đi trốn.

Vợ chồng Whitehead chạy trốn đến tiểu bang Florida. Thoạt đầu họ ở nhà bố mẹ bà Whitehead, tại đây một trong những người con của bà Whitehead đang sống. Sau đó, trong ba tháng liền, họ sống ở trong khoảng 20 khách sạn, khí xa lữ quán (motels) và nhà tư để tránh không bị bắt.

Thỉnh thoảng bà Whitehead gọi điện thoại cho ông Stern để bàn về vấn đề. Theo khuyến cáo của luật sư, ông Stern đã thu băng những cuộc điện đàm này. Các lần nói chuyện của bà Whitehead cho thấy bà càng ngày càng gia tăng tranh biện về vấn đề lợi ích, đạo đức và quyền lực, kèm theo những lời đe dọa bà sẽ tự tử, giết bé Melissa, và còn gian trá buộc tội là ông Stern đã sách nhiễu tình dục con gái bà.

Cuối cùng ông bà Stern đã biết được chỗ ở của bà Whitehead, nên đã làm thêm các tổ tụng bổ túc ở Florida và xin được lệnh tòa buộc ông bà Whitehead phải trao nộp Melissa. Cảnh sát Florida chấp hành lệnh tòa và lấy được bé Melissa từ trong nhà cha mẹ bà Whitehead, rồi đưa bé trao trả ông bà Stern.

Lệnh trước của tòa án, ban cho một bên (ex parte), trao việc giám hộ Melissa cho ông bà Stern trong khi tổ tụng được xét xử (pendente lite), đã được tòa thụ lý tái xác nhận sau khi cứu xét những trình bày của hai bên đương sự do luật sư đại diện. Trong khi chờ

đợi quyết định cuối cùng của tòa án, bà Whitehead được phép đến thăm bé Melissa có giới hạn.

Vụ kiện kéo dài 32 ngày, trong đó có nhiều thượng tố trung gian (interlocutory appeals), 23 nhân chứng về các sự kiện dẫn trên và 15 giám định chuyên môn, trong đó 11 người điều trần về vấn đề giám hộ và 4 người về chứng mạch máu bị xơ cứng phức hợp (multiple sclerosis) của bà Whitehead.

Cuối cùng Tòa Thượng Thẩm tiểu bang New Jersey đã đưa ra ý kiến sau:

“Người cha ruột đã trả tiền đại thế cho người đàn bà bằng lòng thụ tinh và sinh con hộ. Khi người con sinh ra, người cha không phải là đã mua người con. Người con chính là con đẻ có liên hệ di truyền của ông. Ông không thể mua được cái gì đã là của ông... Chúng ta có thể lập luận rằng nếu người ta có quyền sinh con bằng tính giao thì người ta cũng có quyền sinh con không bằng tính giao. Nếu việc sinh con được bảo vệ thì phương tiện sinh con cũng phải được bảo vệ. Giá trị và lợi ích làm cơ sở cho việc tạo dựng gia đình bằng bất cứ phương tiện nào cũng không có gì khác biệt. Vì vậy bản Tòa quan niệm rằng phương tiện được bảo vệ bao gồm cả việc dùng đại thế...”

Tòa kết luận rằng thỏa hiệp đại thế phụ mẫu là một khế ước có giá trị và có thể chấp hành theo Luật New Jersey. Quyền của các đương sự kết ước được bảo vệ hợp hiến theo Tu Chính Án thứ 14 của Hiến pháp Hoa-kỳ. *217 N.J. Super. 313, 525 A. 2d 1128, 1157, 1164, 1166 (Ch. Div. 1987)*

Đoạn Tòa đã phán định như sau:

Thứ nhất, khế ước đại thế trong vụ này có hiệu lực.

Thứ hai, với bằng chứng rõ ràng và có tính cách thuyết phục, với một bằng chứng không thể nào nghi ngờ được là lợi ích tốt nhất của bé Melissa là trao bé cho người cha ruột giám hộ.

Thứ ba, ra lệnh chấm dứt các mẫu quyền của bà Whitehead.

Thứ tư, cho phép bà Stern được nhận nuôi bé Melissa chiếu theo khế ước đại thế.

Sau đó, vì có sự tranh chấp về bản quyền sách và phim ảnh về vụ này, bà Whitehead đã thượng tố lên TCPV tiểu bang New Jersey.

Trong khi chờ đợi việc thượng tố được cứu xét, TCPV đã cho phép bà Whitehead được tiếp tục thăm bé Melissa, nhưng giới hạn nhiều hơn. Rồi vì có một loạt những đơn kháng tố, Tòa đã cho phép bà Whitehead được tự do đến thăm Melissa mà không bị giám sát, cản trở. Tòa cũng ra lệnh cấm hai bên không được công khai thảo luận về quan hệ của họ đối với bé Melissa hay bán “*bản quyền làm phim ảnh*” nếu không có sự chấp thuận trước của Tòa.

Tiếp theo, trong phán quyết *Matter of Baby M., 109 N.J. 396, 537 A. 2d 1227 (1988)*, TCPV New Jersey đã đưa ra những nhận xét và phán định sau:

Thứ nhất, khế ước đại thế vô hiệu lực vì nó trực tiếp xung đột với các pháp qui hiện hữu và với trật tự công cộng của tiểu bang, như được biểu đạt trong luật pháp và án lệ của tiểu bang. “*Việc trả tiền cho đại thế mẫu thân bất hợp pháp, có lẽ còn cả phạm pháp nữa, và có khả năng làm giảm phẩm cách của phụ nữ.*” (tr. 1234)

Thứ hai, mặc dù các đương sự đã cẩn thận đóng khung khế ước là khế ước dịch vụ, khế ước này vẫn xung đột với các luật lệ mạnh mẽ ngăn cấm trả tiền trong những vụ thu dưỡng con. Tòa nhận xét rằng các luật lệ cấm bán trẻ em nhằm mục đích ngăn ngừa sự lợi dụng tất cả các đương sự và nhằm xúc tiến các lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Thứ ba, thỏa hiệp chấm dứt mẫu quyền của bà Whitehead xung đột với các điều khoản pháp qui đòi hỏi bằng chứng người mẹ không thích đáng (proof of unfitness) hay bỏ rơi con trước khi chấm dứt mẫu quyền hay cho phép nhận nuôi con.

Thứ tư, ước khoản đồng ý nhượng dữ con không thể giải trừ được các vi phạm luật lệ tiểu bang đối với việc nuôi con qua giới thiệu tư (adoption of a child through private placement).

Thứ năm, khế ước cũng vi phạm trật tự công cộng do việc phối trí sự giám hộ con trước khi con ra chào đời mà không quan tâm đến các lợi ích tốt nhất của người con. Một khế ước như vậy có khả năng lợi dụng người nghèo và trừ khử nguyên tắc tất yếu là tự nguyện của một thỏa hiệp có hiệu lực câu thúc. Nó cũng có thể có những ảnh hưởng bất lợi đối nghịch không thể lường được đối với cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, cũng như đối với người con.

Thứ sáu, quyền sinh dục không đem lại cho người cha ruột và vợ ông quyền giám hộ con. Tuy nhiên, căn cứ vào những lời điều trần của các chuyên viên giám định, TCPV kết luận là vì lợi ích tốt nhất cho bé Melissa, nên đã trao quyền này cho ông bà Stern, còn bà Whitehead được quyền đến thăm theo những điều kiện do tòa trưng thẩm quyết định.

Khi trưng thẩm, Tòa Thượng Thẩm tiểu bang New Jersey đã có những quyết định sau:

Thứ nhất, vì lợi ích tốt nhất của bé Melissa, tòa cho phép bà Whitehead (lúc này đã ly dị với ông Richard Whitehead và tái giá với ông Gould) được tự do đến thăm Melissa không bị ai giám sát, không bị ai làm gián đoạn. Tòa có quyết định này vì không thấy có bằng chứng đáng tin nào hay ý kiến của các chuyên viên giám định nào cho thấy Melissa có thể bị hại vì những lần thăm của bà Whitehead-Gould. Tòa cũng nhận thấy cuộc sống

gia đình với chồng mới của bà đã ổn định và bà đã nhận là bà sẽ không bao giờ được quyền giám hộ đối với Melissa cả. Hơn nữa, Melissa cũng thương mến bà và không tỏ dấu hiệu gì là bất an khi phải chia tay với bà sau mỗi lần thăm viếng.

Thứ hai, mỗi tuần 2 ngày và ngày cuối tuần cứ hai tuần một lần Melissa ở với bà Whitehead-Gould, còn những ngày khác ở với ông bà Stern.

Thứ ba, để cho mọi người có thể thông cảm và hợp tác với nhau, Tòa đã quyết định cử một chuyên gia về kiện khang tinh thần (mental health professional) và truyền cho các đương sự phải tham gia các buổi cố vấn.

Thứ tư, Tòa đã ngăn chặn và lệnh cho các đương sự không được công khai bàn luận về liên hệ của họ đối với Melissa hay các hoạt động của Melissa, cũng như không được bán các bản quyền phim ảnh có liên quan tới Melissa nếu không có sự chấp thuận trước của tòa án. *In re Baby M.*, 225 N.J. Super. 267, 542 A. 2d 52 (Ch. Div. 1988).

Xin mở một dấu ngoặc ở đây.

Vụ án *Baby M.* trình bày bên trên là thí dụ điển hình cho nhu cầu có người sinh con hộ cùng là những vấn đề pháp lý có thể xảy ra trong ba lãnh vực kế ước, nghĩa dưỡng và giám hộ. Tuy nhiên, mặc dù trong vụ này tòa án cho phép người được làm mẹ đại thế nếu sự đại thế được làm một cách tự nguyện miễn phí, cũng như cho người mẹ đại thế được quyền thay đổi ý kiến và được xác nhận mẫu quyền của mình, sự an bài này làm mất đi nguyên nhân (consideration) cần thiết cho một kế ước có giá trị.

b. *Vụ Lucy Thrane*

Một thí dụ khác là trường hợp ở tiểu bang California người mẹ đại thế Lucy Thrane đã vi phạm kế ước ký với vợ chồng người mua là James Noyes vì đã quyết định giữ người con mà Lucy Thrane mang thai với tinh trùng của James Noyes. Tuy kế ước có qui định là vợ chồng James Noyes phải trả các y dược phí và bệnh viện phí cho Lucy Thrane, nhưng không qui định tiền thù lao. Cuối cùng vụ kiện đã được giải quyết bằng việc ghi vào khai sinh của người con tên người cha là James Noyes, nhưng ông không được phép thăm viếng người con. **New York Times**, ng. 18.4.1981 và 6.6.1981.

c. *Vụ Johnson v. Calvert*

Trong vụ *Johnson v. Calvert*, 19 Cal. Rptr. 2d 494, 851 P. 2d 776 (Cal. 1993), Anna Johnson (da đen) nhận làm mẹ đại thế cho Mark Calvert (da trắng) và vợ là Crispina (Á-châu), bởi vì Crispina đã bị cắt tử cung tuy buồng trứng được giữ nguyên nên có thể sinh ra trứng được. Anna, Mark và Crispina đã ký một kế ước đại thế, theo đó phôi thai do Mark và Crispina tạo nên sẽ được cấy trong tử cung của Anna rồi khi người con sinh ra sẽ

được Anna trao cho vợ chồng Johnson làm con. Sau khi Anna thỏa thuận từ bỏ mẫu quyền của mình và để bù lại sẽ nhận một số tiền \$ 10,000 cộng một bảo hiểm nhân thọ \$ 200,000, trứng đã kết tinh của vợ chồng Johnson được cấy vào tử cung của Anna.

Trong thời kỳ Anna mang thai thì quan hệ giữa Anna và vợ chồng Calvert càng ngày càng suy thoái, nên sau vài lần tranh chấp, Anna dọa sẽ không trao người con nếu vợ chồng Johnson không trả nốt tiền còn thiếu. Vợ chồng Johnson đệ đơn tại tòa xin tòa phán họ là cha mẹ pháp định. Theo kết quả cuộc thử máu sau khi người con được sinh, tòa thụ lý vụ kiện thấy Mark và Crispina chính là cha mẹ di truyền, sinh vật và tự nhiên (genetic, biological, and natural parents), nên đã phán rằng khế ước do họ ký kết hợp pháp và có thể chấp hành được và loại trừ mẫu quyền và cả quyền thăm viếng của Anna.

Tòa Thượng Thẩm tiểu bang California đã duy trì phán quyết của tòa dưới. Khi Anna thượng tố phán quyết này lên TCPV tiểu bang California, TCPV bác bỏ các phân tích theo hiến pháp hay chính sách và quyết định vấn đề theo **Luật Gia Hệ Đồng Nhất**.

Nhận định rằng **Luật Gia Hệ Đồng Nhất** công nhận quan hệ di truyền (genetic relationship) và hành vi sinh con là các phương pháp để thiết lập mẫu hệ, nên TCPV đã phán là khi hai phương pháp này không bị tranh nghị thì ý hướng của các đương sự biểu đạt trong khế ước đại thể sẽ chi phối tất cả.

TCPV bắt đầu bằng cách xét xem Crispina và Anna ai là mẹ của người con và đã kết luận rằng khi cả hai người đàn bà cùng xuất trình bằng chứng về mẫu hệ, người nào khẳng định có ý “*sinh con và nuôi dưỡng như chính con mình*” thì sẽ là mẹ ruột của đứa con theo luật lệ California. Mặt khác, TCPV bác bỏ lập luận của Anna rằng khế ước đại thể hoài dựm vi phạm luật nghĩa dưỡng của tiểu bang và phán rằng đại thể hoài dựm “*khác với nghĩa dưỡng về nhiều phương diện trọng yếu*”. Tòa cũng bác bỏ những lập luận về trật tự công cộng và hiến pháp.

Tòa phán rằng khế ước này là về dịch vụ của Anna, chứ không phải là khế ước bán trẻ em, và rằng Anna đã kết ước trong hiểu biết và thông minh.

Sau hết, TCPV kết luận rằng sự lo ngại rằng khế ước đại thể nhằm lợi dụng hay thú hóa (dehumanize) phụ nữ, nhất là những người có phương tiện kinh tế thấp kém, phải do cơ quan lập pháp giải quyết mới thích đáng.

Điều đáng chú ý là thẩm phán Kennard đã bất đồng ý kiến một cách mạnh mẽ và cho rằng TCPV phải áp dụng tiêu chuẩn vì lợi ích tốt nhất của người con.

2. Người Mua Không Chịu Nhận Con

Mặt khác, sự tranh chấp cũng có thể xảy ra khi cặp vợ chồng ký kết khế ước đại thế đã từ chối không chịu nhận đứa bé sinh ra.

Một trường hợp đã xảy ra năm 1983 khi đứa bé sinh ra đã có khuyết tật về thể xác (physical defects). Trong khi việc này được đưa lên màn ảnh điện thị thì kết quả thử máu cho thấy người kết ước cho tinh trùng (người mua) lại không phải là cha của đứa bé và cha thực sự của đứa bé lại là chồng của người đàn bà kết ước (người bán). Do đó, cặp vợ chồng người mua đã kiện cặp vợ chồng người bán đòi bồi thường \$ 30,000 vì họ đã vi phạm khế ước là không được có giao hợp tính dục với nhau trong thời gian thụ tinh. Cuối cùng tòa đã trao đứa bé cho tiểu bang trông nom. **New York Times**, ng. 7.2.1983, tr. 8, cột 1, và ng. 8.2.1983, tr. 26, cột 1. Xem thêm vụ *Stiver v. Parker*, 975 F. 2d 261 (6th Cir. 1992).

3. Các Giải Pháp Đề Nghị

Trong việc giải quyết vấn đề lại có thể xảy ra sự phân tranh giữa luật khế ước và các luật giám hộ, luật nghĩa dưỡng là những luật chi phối quan hệ cha mẹ và con.

Các người tán thành dùng phương pháp có tính cách khế ước đề xướng sự chấp hành đặc biệt khế ước đại thế thì chủ trương rằng người thành niên có tự do ước thúc mình bằng khế ước, miễn là không có sự khí trá, cưỡng bách, bất công hay giao trá. Việc từ chối không thi hành khế ước đại thế vừa có tính cách chuyên chế như một gia trưởng (paternalistic) vừa có tính cách công kích mạo phạm (offensive), chẳng khác chi từ chối không cho phụ nữ có chồng quyền kết ước.⁽³⁾

Còn những người chống đối thì lập luận rằng các khế ước như vậy bất hợp pháp vì vi phạm chính sách công cộng là chống việc bán trẻ em. Họ còn lập luận rằng các khế ước này bóc lột người nghèo. Luật nghĩa dưỡng qui định rằng người mẹ đại thế có tất cả mọi quyền của một người mẹ đẻ và những quyền này chỉ có thể bị chấm dứt theo những lý do pháp định. Nếu các quyền của người mẹ không bị bác đoạt thì người vợ mua không thể nào nhận thu dưỡng người con được. Hơn nữa, vì người cha cũng không bị mất các quyền của mình, vấn đề trở thành vấn đề giám hộ người con và đến lúc đó phải áp dụng tiêu chuẩn “*vì lợi ích tốt nhất của người con*” (for the best interests of the child). Trong những vụ tranh chấp thông thường về vấn đề giám hộ, nếu quyền giám hộ được trao cho một người, cha hay mẹ đẻ, thì người kia thường được quyền thăm người con.⁽⁴⁾

B. Liên Hệ Gia Đình Giữa Con Do Người Mẹ Đại Thế Sinh và Cặp Vợ Chồng Mua

Vấn đề pháp lý quan trọng khác là việc thiết lập liên hệ gia đình giữa người con do người mẹ đại thế mang thai và sinh dùm và cặp vợ chồng mua, cùng là sự chấm dứt liên hệ pháp lý giữa người con và vợ chồng người mẹ đại thế.

Sự thỏa thuận đại thể có thể đặt ra vấn đề phụ hệ là vấn đề đã được đại đa số các tiểu bang qui định tỉ mỉ, kể cả thủ tục thiết lập phụ hệ cũng như các giả định đối với phụ hệ.

Vấn đề phụ hệ cũng có thể xảy ra trong một vụ đại thể nếu người mẹ đại thể bội ước không trao con sau khi sinh và tìm cách để được quyền cấp dưỡng con hay thiết lập phụ hệ của chồng mình hay của một người đàn ông khác.

Người cha ruột của người con, nghĩa là người mua trong khế ước đại thể, cũng có thể có thiết lập phụ hệ của mình đối với người con.

Trong vụ *Syrkowski v. Appleyard*, 420 Mich. 367, 362 N.W. 2d 211 (Mich. 1985), một người đàn ông đã kết hôn nhưng vợ ông không sinh con đã đệ đơn xin án tòa về tử hệ và xin được ghi tên ông là cha đẻ và cha pháp định của một người con thụ thai nhân tạo với tinh trùng của ông. Ông đã trả cho người mẹ đại thể \$ 10,000 cùng các phí tổn khác. Người mẹ đại thể đã hợp tác với ông trong tố tụng này và chồng của bà cũng đã viết văn thư thỏa thuận sự an bài đại thể.

Tuy nhiên, Tổng Kiểm Sát Trưởng (tức Bộ trưởng Tư pháp) tiểu bang Michigan đã can thiệp, nói rằng trong vụ này không thể áp dụng **Luật Phụ Hệ** (Paternity Act) là luật cho phép một người cha xác nhận phụ hệ đối với con ngoại hôn, bởi vì chồng của người mẹ đại thể có thể giả định là cha của người con. Tòa thụ lý tố tụng đồng ý và kết luận rằng **Luật Phụ Hệ** không bao hàm các giao dịch tiền nong như trong vụ này.

TCPV tiểu bang Michigan triệt tiêu phán quyết này và quyết định cho phép người cha cho tinh trùng được sử dụng **Luật Phụ Hệ** để thiết lập phụ tử hệ. Tòa phán rằng trong một tố tụng phụ hệ, sự giả định có thể phản bác được và rằng từ “ngoại hôn” bao gồm cả những trường hợp người con được sinh ra do quan hệ giữa người vợ và một người đàn ông khác không phải là chồng, kể cả trong một vụ an bài đại thể.

Ở Đặc khu Columbia, trong vụ *In re R.K.S.*, 10 Fam. S. Rptr. (BNA) 1383, TCPV đã ứng dụng các pháp qui nghĩa dưỡng để điều tra tính cách thích hợp của “những người mua” và đề nghị chứng thực phụ tử hệ của người chồng mua bằng việc thử máu. Ngoài ra, TCPV còn cứu xét nhiều vấn đề pháp lý quan trọng đối với việc một cơ quan thương mại thảo một khế ước đại thể với giá tiền là \$ 25,000 và việc thụ thai nhân tạo của người mẹ đại thể bằng tinh trùng của người chồng mua.

Trong vụ *Baby Girl*, 9 Fam. L. Rptr. (BNA) 2348, một tòa án lưu động tiểu bang Kentucky bác không cho người mẹ đại thể và chồng bà có cơ hội ra hầu tòa theo luật liên quan tới việc chấm dứt quyền phụ tử hệ và chuyển giao quyền giám hộ pháp định cho người cha mua.

Tuy nhiên, về sau, trong vụ *Surrogate Parenting Associates, Inc. v. Commissioner ex. rel. Armstrong*, 704 S.W. 2d 209 (Ky, 1986) TCPV tiểu bang Kentucky đã phán rằng nghiệp vụ đại thế không vi phạm luật của tiểu bang cấm việc bán con cho người khác nuôi dưỡng và cũng đã từ chối không phê trừ chứng thư lập hội (corporate charter) của cơ quan trung gian Surrogate Parenting Associates.

TCPV Kentucky thấy có “*những khác biệt căn bản giữa thủ tục cha mẹ đại thế... và việc mua bán trẻ em*” (tr. 211). Tòa lập luận rằng mặc dù pháp qui nhằm ngăn ngừa “*những người môi giới mua bán trẻ em không cho họ không chế người mẹ đang mang thai con hay cha mẹ của một trẻ em với những dụ dỗ tài chính để bỏ con [cho người khác]*” (nt.), thủ tục đại thế đang được xét xử chỉ có liên quan tới một khế ước đối với người con chưa được sinh ra để giúp những người không thể thụ thai theo cách thức thông thường. Theo Tòa:

“*Những nguyên nhân tất yếu đối với một người mẹ đại thế khi thỏa thuận thủ tục đại thế không phải là tránh những hậu quả của một sự thụ thai, không muốn có hay là sợ gánh nặng tài chính trong việc nuôi nấng con. Trái lại, nguyên nhân tất yếu là giúp một người hay một cặp vợ chồng hết sức mong muốn có con nhưng không thể thụ thai theo cách thức thông thường để có được một người con có quan hệ sinh vật với mình.*” (tr. 211-212)

Do đó TCPV Kentucky kết luận rằng việc cấm các thủ tục cha mẹ đại thế là một vấn đề của lập pháp.

Mặt khác, ở California, trong vụ *Hecht v. Superior Court (Kane)*, 20 Cal. Rptr. 2d 275 (Cal. App. 2 Dist. 1993), một luật sư trước khi tự tử đã để lại 15 lọ đựng tinh trùng đông lạnh của ông cho người bạn gái đã sống không hôn thú với ông. Các con ông do người vợ trước sinh đã kiện nhưng không thành công về vật di tặng này. Tòa Thượng Thẩm tiểu bang California phán rằng tinh trùng là tài sản, vì vậy phải được kiểm nhận (in probate) và rằng sự thụ tinh nhân tạo của người bạn gái của ông luật sư sau khi ông chết không vi phạm trật tự công cộng. (Xin xem thêm phần IV bài “*Quyền Sinh Dục Trong Luật Lệ Hoa-kỳ*”).

Chúng ta còn phải kể tới một vụ khác, trong đó trứng của em dâu Jim Mack đã thụ nhận trong ống tinh trùng của Jim Mack rồi được đem cấy vào tử cung của em gái Jim Mack. Vụ này đưa đến trường hợp người con sinh ra năm 1993 ở tiểu bang Illinois có tới 3 người mẹ. Về sau vợ chồng Jim Mack đã thu dưỡng đứa bé này.

Lại nữa, trong vụ *Davis v. Davis*, 15 Fam. L. Rptr. (BNA) 2097 (1989), mặc dù người chồng nói là không muốn sinh con và cũng không muốn chịu trách nhiệm cấp dưỡng cho người con, tòa thụ lý tố tụng đã phán cho người vợ được giữ bào thai. Phán quyết này đã bị thượng tố và một tòa thượng thẩm tiểu bang Tennessee đã phán cho một cặp vợ chồng đã ly hôn với nhau quyền được cùng nuôi dưỡng người con sinh bằng trứng

thụ tinh ngâm lạnh. *Davis v. Davis*, 1990 WL 130807 (Tenn. App. 1990). Xem thêm cũng về vụ này, 842 S.W. 2d 588 (Tenn. 1992), ý kiến của TCPV Tennessee ngày 23.11.1992, 19 Fam. L. Rptr. (BNA) 1117 (1993).

V. Luật Lệ Đại Thế của Các Tiểu Bang

Trong một thời gian sự đại thế thương mại được thi hành một cách công khai ở nhiều tiểu bang và nhiều tờ báo lớn đã đăng những quảng cáo về sự đại thế. Nhiều người đàn bà bằng lòng mang thai và sinh con cho người khác đã được trả tiền một cách hậu hĩnh, mặc dù những cơ quan hay người trung gian hưởng lợi nhiều nhất. Thí dụ, theo tạp chí **American Lawyer** số ra tháng 6/1984, luật sư Noel Keane ở tiểu bang Michigan năm 1983 đã kiếm được \$ 184,000 về việc làm trung gian này.

Trong khi các vụ *Matter of Baby M.*, *Davis v. Davis* cho thấy những lỗ hổng trong luật lệ của các tiểu bang thì ở một số tiểu bang đã có những quyết định quan trọng để giải quyết vấn đề đại thế.

Có một số tiểu bang cho phép đại thế nếu người mẹ đại thế tình nguyện mang thai và sinh con hộ miễn phí. Thí dụ năm 1993, thống đốc tiểu bang California phủ quyết một dự án luật qui định về việc đại thế và thấy các khế ước đại thế không vi phạm trật tự công cộng.

Mặt khác, nhiều tòa án đã kết luận là khế ước đại thế không miễn phí vô hiệu lực.

Trong vụ *Doe v. Kelly*, 307 N.W. 2d 438 (Mich. Ct. App. 1981), đơn xin phúc thẩm bị từ chối, 459 U.S. 1183 (1983), Tòa Thượng Thẩm tiểu bang Michigan phán rằng luật nghĩa dưỡng của tiểu bang cấm việc trả tiền, ngoại trừ cho các phí tổn có liên quan tới việc nuôi dưỡng con, cũng được áp dụng cho các khế ước đại thế.

Sau vụ này, năm 1988 tiểu bang Michigan đã ban hành **Luật Cha Mẹ Đại Thế** (Surrogate Parenting Act), trong đó qui định rằng khế ước đại thế vô hiệu và bất hợp pháp nếu được ký kết để bồi thường và qui định việc an trí con sinh theo các an bài đại thế. Mich. Comp. Laws § 722.851 (2002).

Khi các cặp vợ chồng không sinh con được và các người có thể làm mẹ đại thế khởi tố xin tòa tuyên án về đạo luật này, Tòa Thượng Thẩm tiểu bang Michigan phán rằng luật này hữu hiệu theo hiến pháp. *Doe v. Attorney General*, 487 N.W. 2d 484 (Mich. Ct. App. 1992).

Tòa nhận định rằng các điều khoản thủ tục chính đáng của các hiến pháp tiểu bang và liên bang, cùng với các quyền phát sinh từ những bảo đảm đặc biệt trong Pháp Án Dân Quyền⁽⁵⁾ bảo vệ các quyết định cá nhân về các vấn đề có liên quan tới sự sinh con không

đề cho tiểu bang xâm nhiễu bất hợp lý, bất chính đáng. Tuy nhiên, tòa kết luận rằng tiểu bang có những quan tâm quan trọng không thể không xâm nhiễu vào vấn đề mang thai và sinh con, dù để biện minh cho việc vô hiệu hóa các khế ước đại thế.

Trong vụ *J.F.v. D.B.*, 30 *Fam L. Rep.* 1258 (*Pa. Ct. Comm. Pl.* 2004), một tòa án tiểu bang Pennsylvania vô hiệu hóa khế ước đại thế vì trái với trật tự công cộng và đã cho phép người đàn bà đã kết ước sinh con hộ cho một cặp vợ chồng không con được quyền giám hộ một cặp con sinh ba.

Mặt khác, một tòa án tiểu bang New York đã kết luận là các điều khoản của một khế ước đại thế đối với việc người mẹ đại thế bỏ quyền giám hộ con và chấm dứt các mẫu quyền của mình không vô hiệu (void) mà chỉ là có thể vô hiệu lực (voidable) thôi. *In re Adoption of Baby Girl*, L.J. 505 N.Y.S. 2d 813 (*N.Y. Surr. Ct.* 1986).

Trong khi bày tỏ những dè dặt về phương diện luân lý đạo đức đối với các khế ước đại thế nói chung, tòa duy trì một khế ước trả \$ 10,000 cho một người mẹ đại thế và phán rằng các lợi ích tốt nhất đối với người con quan trọng hơn bất cứ một sự thỏa thuận nào giữa các đương sự. Mặt khác, tòa khuyến cáo quốc hội tiểu bang duyệt xét lại vấn đề khế ước đại thế.

Tuy nhiên, trong một vụ khác, tòa đã đưa ra nhận xét rằng quốc hội tiểu bang đã không thông qua dự luật về vấn đề này, vì vậy tòa đã kết luận rằng pháp qui nghĩa dưỡng đã cấm việc trả tiền quá những y phí và các phí tổn liên hệ khác đối với việc sinh con và còn định rằng khế ước đại thế vô hiệu. Hơn nữa tòa còn phán rằng tòa chỉ chấp nhận việc người mẹ đẻ (tức là người mẹ đại thế) khước từ và chấm dứt mẫu quyền của mình nếu bà phát thệ rằng bà đã không và sẽ không đòi hỏi, chấp thuận hay nhận tiền hứa trả cho bà chiếu theo khế ước đại thế. Tòa cũng đòi hỏi người cha mẹ nuôi phải phát thệ tương tự, không bồi thường cho bất cứ đương sự nào để đổi lấy người con.

Rồi đến cuối thập niên 1990, tiểu bang New York đã ban hành một luật qui định rằng các khế ước đại thế “*trái với chính sách công cộng của tiểu bang và vô hiệu, không thể chấp hành được.*” N.Y. Dom. Rel. § 121 (1999). Luật còn cấm trả một cách trực tiếp hay gián tiếp bất cứ một khoản tiền nào có liên hệ tới bất cứ một khế ước đại thế nào, kể cả trả cho đệ tam nhân giúp đỡ, ngoại trừ những tiền trả có liên quan đến sự thu dưỡng con, hay “*những y phí và bệnh viện phí phải chăng và thực sự cho việc cấy tinh nhân tạo hay việc thụ tinh trong ống thí nghiệm có liên quan tới việc sinh con mà người mẹ đã tạo nên.*” § 123-1(b).

Luật này cũng ấn định những phạt kim dân sự đối với những vi phạm. §§ 123-2(a), (b).

Ngoài ra, Luật còn thiết lập các thủ tục đối với quyền, thân phận, nghĩa vụ của cha mẹ và thêm một điều khoản cấm tòa xét xử việc người mẹ để tham dự vào một kế ước đại thể trái nghịch với việc người ấy đòi quyền giám hộ con. § 124.

Đầu thập niên 1990 lập pháp viện tiểu bang Virginia cũng đã chấp thuận một pháp qui xác định rất rộng rãi về thụ thai nhân tạo và các hậu quả: (a) xác định phụ mẫu hệ của con thụ thai nhân tạo; (b) qui định về trường hợp một đương sự chết hay ly dị trước khi người con được sinh; (c) xác nhận và thiết lập một tổ tụng để cho tòa chấp thuận cũng như chấm dứt kế ước đại thể; (d) qui định các quyền của các đương sự đối với kế ước đại thể không được chấp thuận; (e) cấm những người môi giới đại thể. Va. Code Ann. §§ 20-156 đến 20-165 (1991, có hiệu lực từ ngày 1.7.1993).

Một số tiểu bang khác cũng đã ban hành các luật lệ nhằm vào một số vấn đề có liên quan tới việc an bài đại thể. Hai tiểu bang Louisiana và Nebraska đã vô hiệu hóa các kế ước đại thể. La. Rev. Stat. Ann. § 9:2713 (1991); Neb. Rev. St. § 25-21, 200 (1996). Một vài tiểu bang khác cho phép các kế ước đại thể và chi phối cha mẹ đại thể. Ark. Code Ann. § 9-10-201 (2002).

Mặt khác, pháp qui của một số tiểu bang tuyên bố kế ước đại thể vô hiệu. N.Y. Dom. Rel. Law §§ 121-124 (1999); N.D. Cent. Code §§ 14-180-07 (1997), 7-204 (1995).

Tuy nhiên, một số tiểu bang chỉ vô hiệu hóa các kế ước đại thể có tiền bồi thường. Ky. Rev. Stat. Ann. §§ 199.5.590 (2) – 199.990 (1995); La. Rev. Stat. Ann. § 9.2713 (1991); Neb. Rev. Stat. § 24-21.200 (1996); Wash. Rev. Code Ann. §§ 26.26.210 – 26.26.360 (1989 & bổ túc 1996).

Lại có một số tiểu bang tuyên bố an bài đại thể là việc mua bán trẻ em. Ala. Code §§ 26-10A-33 – 26-10A-34 (1990); W. Va. Code § 48-4-16 (1993).

Một số tiểu bang cho phép kế ước đại thể. Fla. Stat. Ann. §§ 742.14 tới 742-17 (bổ túc 1996); Nev. Rev. Stat. Ann. §§ 126.045, 127.287 (1993 & bổ túc 1995); N.H. Stat. Ann. §§ 168-B:1 tới 168-B:32 (1994 & bổ túc 1995); Va. Code Ann. §§ 20-156 tới 20-165 (1995).

Một vài tiểu bang áp dụng các pháp qui thụ thai nhân tạo cho các trường hợp đại thể. Ark. Code Ann. §§ 9-10-201 tới 9-10-202 (1993 & bổ túc 1995); N.J. Rev. Stat. Ann. §§ 9:3041, 9:17-44 (1993 & bổ túc 1996); Or. Rev. Stat. Ann. §§ 109.239, 109.243; 109.247 (1990 & bổ túc 1994).

Trong vụ *Soos v. Superior Court* 897 P. 2d 1356 (Ariz. Ct. App. 1996) Tòa Thượng Thẩm tiểu bang Arizona bác bỏ một pháp qui cấm việc đại thể và trao các người con sinh trong một sự an bài đại thể bất hợp pháp cho người mẹ đại thể.

Năm 1988 Các Ủy Viên Luật Đồng Nhất ban hành **Luật Đồng Nhất về Thân Phận Con Thụ Thai Được Trợ Giúp** (Uniform Statutes of Children Born of Assisted Conception Act, USCACA) nhằm qui định và cho phép về việc đại thế. Luật này không có một lập trường xác định nào về vấn đề đại thế, nhưng đã đề nghị hai lựa chọn và cả hai đều chống lại sự đại thế thị trường tự do (open-market surrogacy):

Lựa chọn A cho phép đại thế nếu có sự chấp thuận của tòa án và qui định các điều kiện đòi hỏi về cố vấn, nghiên cứu về gia đình và sự thích hợp.

Lựa chọn B chỉ vô hiệu hóa các khế ước đại thế. Lựa chọn này có lợi cho người mẹ mang thai và sinh con. Tuy nhiên, cho tới nay mới chỉ có hai tiểu bang North Dakota và Virginia đã ban hành Luật này.

VI. Tập Trung Vào Lợi Ích của Người Con

Điều quan trọng nhất là bất luận là khế ước đại thế có bị coi là vô hiệu hay không, các tòa án đã tập trung vào các lợi ích tốt nhất của người con sinh theo sự an bài đại thế.

Trong vụ *In re Marriage of Buzzanca*, 72 Cal. Rptr. 2d 280 (Cal. App. 1998), tòa thượng thẩm tiểu bang California phán rằng các đương sự đã ly dị nhau sau khi kết ước đại thế vẫn là cha mẹ pháp định của người con sinh do sự đại thế và phải chịu trách nhiệm cấp dưỡng người con, mặc dù cả hai không phải là cha mẹ đẻ của người con, chứ không phải là người đại thế mang thai và sinh người con. Mặc dù người chồng trước phủ nhận trách nhiệm, tòa vẫn coi người ấy là người chồng đã thỏa thuận sự thụ thai nhân tạo.

Trong vụ *In re Adoption of Matthew B.-M.*, 284 Cal. Rptr. 18 (Cal. Ct. App. 1991), đơn xin phúc thẩm bị từ chối, 503 U.S. 990, Tòa Thượng Thẩm tiểu bang California phán rằng người mẹ đại thế đã đọc và hiểu khế ước đại thế không được quyền rút lại sự thỏa thuận nuôi con căn cứ trên tính cách bất hợp pháp của khế ước, bởi vì khi kết ước các đương sự đã đảm nhiệm lãnh chịu sự bất hợp pháp này. Tòa còn nhấn mạnh rằng khi quyết định về người được trao cho nhiệm vụ giám hộ người con, tòa đã chú trọng trước hết đến các lợi ích tốt nhất của người con.

Trong vụ *K.M. v. E.G.*, 12 Cal Rptr. 3d 136 (Cal. App. 2004) Tòa Thượng Thẩm tiểu bang California không cho phép người đàn bà đã cho trứng của mình và bằng khế ước phủ nhận tất cả các quyền đối với người con sinh ra theo sự an bài đại thế được kiện xin giám hộ người con.

Kết Luận

Cho dù không thể chấp hành được, có thể là những an bài đại thế sẽ tiếp tục trong dân gian, bởi vì nhu cầu con thụ thai qua một người đàn bà khác quá lớn. Trong khi chưa có một đạo luật đặc biệt nào về vấn đề đại thế, các đương sự trong những vụ dàn xếp, thương lượng sẽ do các luật lệ về nghĩa dưỡng kiểm sát. Thực ra những sự kiểm sát này khá thích hợp để xử lý mọi trường hợp, nhất là khi gồm có cả việc cấm đồng ý nuôi một đứa trẻ trước khi nó ra chào đời (nhiều pháp qui đã có điều khoản này), việc cấm trả tiền thù lao cho người mẹ đại thế hay người hoặc cơ quan trung gian (hầu hết các pháp qui đã có điều khoản này), và việc cho phép tòa án điều tra nhà của cặp vợ chồng định nuôi đứa trẻ (tất cả các pháp qui đều có điều khoản này).

Mặt khác, nếu tình trạng của chính người chồng mua được dùng để cấy vào tử cung của người mẹ đại thế thì người ấy có thể thiết lập phụ hệ chính thức bằng các luật lệ về phụ hệ.

Sau hết, các vấn đề đại thế chưa được giải quyết sẽ tiếp tục khai diễn, nhất là khi hai phương pháp đại thế mẫu thân và thụ tinh trong ống thí nghiệm được sử dụng song song với nhau.

Chú Thích

(1) Người Nhật-bản dịch *surrogate mother* là “*dairi haha*”, phiên âm Hán-Việt là “đại lý mẫu” (dairi: đại lý; haha: mẫu).

(2) Ấn bản thứ 7, 1999, tr. 1458.

(3) Thí dụ xem *Antoinette Sedillo Lopez*, “*Privacy and Regulation of the New Productive Technologies: A Decision-Making Approach*”, 22 *Fam. L.Q.* 173 (1988).

(4) Thí dụ xem *Honig*, “*Baby’s Desperate Cry: A Call for Legislative Regulation of Surrogate Mother Contracts*”, 9:9 *Probate L.J.* 9 (1989).

(5) *Bill of Rights*, tức là 10 tu chính án đầu tiên của Hiến pháp Hoa-kỳ.